

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-33



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên	
Ông Lam Hin Lap Michael	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Bà Quek Guet Nghoh	Ủy viên	
Ông Yarmalu Prasad Tantry	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Tsui Wing Fai	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 19 tháng 07 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>134.777.636.857</b>	<b>134.138.647.557</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.393.439.629	21.129.476.056
111	1. Tiền		8.393.439.629	14.129.476.056
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	7.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.896.407.960	26.229.013.850
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.439.465.770	23.624.760.022
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.104.293.765	8.123.401
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.710.213.317	2.941.099.965
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(357.564.892)	(344.969.538)
140	IV. Hàng tồn kho	9	100.910.512.597	86.011.137.685
141	1. Hàng tồn kho		101.150.560.325	86.251.185.413
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(240.047.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.577.276.671	769.019.966
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	310.266.651	128.754.056
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.395.112.223	241.897.009
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	871.897.797	398.368.901
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>34.436.867.024</b>	<b>35.958.584.372</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000	20.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	20.000.000	20.000.000
220	II. Tài sản cố định		13.974.599.191	15.392.121.621
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.974.599.191	15.392.121.621
222	- Nguyên giá		74.520.936.968	78.367.728.942
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.546.337.777)	(62.975.607.321)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.203.817.799
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.203.817.799
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	19.175.014.246	18.150.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.825.000.000)	(8.850.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.267.253.587	1.192.630.706
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.267.253.587	1.192.630.706
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>169.214.503.881</b>	<b>170.097.231.929</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>52.778.615.770</b>	<b>59.592.280.770</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>52.778.615.770</b>	<b>59.592.280.770</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.417.196.578	3.082.171.047
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.929.951.425	471.908.599
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.970.802.765	1.397.116.345
314	4. Phải trả người lao động		3.697.008.952	5.557.400.303
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.199.495.343	2.806.903.732
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	21.079.723.957	24.102.037.574
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	15.154.280.000	21.870.776.420
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		330.156.750	303.966.750
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>116.435.888.111</b>	<b>110.504.951.159</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>116.435.888.111</b>	<b>110.504.951.159</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.548.272.308	17.422.362.472
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.332.452.085	19.527.424.969
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.849.950.733	7.242.503.017
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		9.482.501.352	12.284.921.952
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>169.214.503.881</b>	<b>170.097.231.929</b>



Đỗ Thị Lê Mai  
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	211.858.363.335	190.243.425.774
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	5.597.912.048	5.689.730.675
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		206.260.451.287	184.553.695.099
11	4. Giá vốn hàng bán	23	168.873.343.055	146.691.207.398
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.387.108.232	37.862.487.701
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	145.446.477	104.518.944
22	7. Chi phí tài chính	25	3.119.489.579	4.207.853.155
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		153.142.840	21.156.232
25	8. Chi phí bán hàng	26	4.781.243.848	5.608.396.888
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.775.089.631	7.902.412.946
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.856.731.651	20.248.343.656
31	11. Thu nhập khác	28	240.000	155.944.938
32	12. Chi phí khác		100.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		140.000	155.944.938
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.856.871.651	20.404.288.594
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.395.068.199	4.125.531.041
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>17.461.803.452</u>	<u>16.278.757.553</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.407	2.244



Đỗ Thị Lê Mai  
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Dương  
Trưởng phòng Tài chính -  
Kế toán



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		196.499.625.688	189.523.665.044
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(158.760.003.125)	(154.200.301.564)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.794.188.527)	(21.083.492.559)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(166.731.352)	(11.786.369)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.060.633.695)	(2.932.890.412)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.056.097.440	8.806.579.853
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.445.920.694)	(17.482.361.007)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>15.328.245.735</i>	<i>2.619.412.986</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.527.825.660)	(1.605.263.695)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		75.756.041	120.533.816
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.452.069.619)</i>	<i>(1.484.729.879)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		27.271.688.700	11.548.583.061
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(33.988.185.120)	(2.048.583.061)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.879.544.100)	(21.751.660.500)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(26.596.040.520)</i>	<i>(12.251.660.500)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(12.719.864.404)</i>	<i>(11.116.977.393)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	21.129.476.056	16.792.455.825
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(16.172.023)	(8.018.117)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>8.393.439.629</u>	<u>5.667.460.315</u>

Đỗ Thị Lê Mai  
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương  
Trưởng phòng Tài chính -  
Kế toán



Nguyễn Thanh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 72.539.110.000 đồng; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 289 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 289 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

#### **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

### 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng

### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, phải trả về chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



**2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**2.24 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.26 . Thông tin bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	155.347.200	161.396.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.238.092.429	13.968.079.969
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
	<u><u>8.393.439.629</u></u>	<u><u>21.129.476.056</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>27.000.014.246</b>	<b>(7.825.000.000)</b>	<b>27.000.014.246</b>	<b>(8.850.000.000)</b>
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	(7.825.000.000)	27.000.000.000	(8.850.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	14.246	-	14.246	-
	<b>27.000.014.246</b>	<b>(7.825.000.000)</b>	<b>27.000.014.246</b>	<b>(8.850.000.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.

Theo Nghị quyết số 117A/2019/NQ-HĐQT/PHN ngày 22 tháng 05 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đã thông qua phương án tăng vốn tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) và không tham gia góp vốn trong đợt tăng vốn này. Tại thời điểm 01/01/2022 và 30/06/2022, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là 9,8%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- GPI International Limited	3.512.873.832	-	3.754.392.189	-
- Keo Sivanhthong	5.133.220.740	-	3.970.036.780	-
- Phải thu khách hàng khác	10.793.371.198	(357.564.892)	15.900.331.053	(344.969.538)
	<b>19.439.465.770</b>	<b>(357.564.892)</b>	<b>23.624.760.022</b>	<b>(344.969.538)</b>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<b>3.769.394.645</b>	<b>-</b>	<b>6.242.722.456</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công Ty TNHH Một thành viên Sản xuất Nguyên Hưng Phát	1.049.400.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	54.893.765	-	8.123.401	-
	<b>1.104.293.765</b>	<b>-</b>	<b>8.123.401</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi	-	-	25.079.452	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	165.879.209	-	227.266.350	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	32.007.818	-	31.729.106	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	16.578.727	-	16.392.919	-
- Tạm ứng	332.248.674	-	331.968.696	-
- Ký cược, ký quỹ	1.004.000.000	-	2.036.815.000	-
- Phải thu khác	159.498.889	-	271.848.442	-
	<b>1.710.213.317</b>	<b>-</b>	<b>2.941.099.965</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<u>141.961.264</u>	<u>-</u>	<u>271.748.442</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	31.160.789	-	31.160.789	-
- Các khoản khác	274.863.723	-	275.188.510	12.920.141
	<u>357.564.892</u>	<u>-</u>	<u>357.889.679</u>	<u>12.920.141</u>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	80.807.791.544	(240.047.728)	72.553.367.307	(240.047.728)
- Công cụ, dụng cụ	72.065.403	-	61.030.663	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.653.735.093	-	2.655.978.015	-
- Thành phẩm	10.110.708.233	-	6.212.100.752	-
- Hàng hoá	3.471.166.176	-	4.767.052.864	-
- Hàng gửi đi bán	35.093.876	-	1.655.812	-
	<u>101.150.560.325</u>	<u>(240.047.728)</u>	<u>86.251.185.413</u>	<u>(240.047.728)</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	12.087.131.167		59.207.669.292		6.634.358.231		438.570.252			78.367.728.942
- Mua trong kỳ	-		1.250.840.660		276.985.000		-			1.527.825.660
- Thanh lý, nhượng bán	(191.400.000)		(5.183.217.634)		-		-			(5.374.617.634)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.895.731.167</b>		<b>55.275.292.318</b>		<b>6.911.343.231</b>		<b>438.570.252</b>			<b>74.520.936.968</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	12.087.131.167		45.364.433.805		5.224.094.724		299.947.625			62.975.607.321
- Khấu hao trong kỳ	-		2.719.321.696		201.856.184		24.170.210			2.945.348.090
- Thanh lý, nhượng bán	(191.400.000)		(5.183.217.634)		-		-			(5.374.617.634)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.895.731.167</b>		<b>42.900.537.867</b>		<b>5.425.950.908</b>		<b>324.117.835</b>			<b>60.546.337.777</b>
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	-		13.843.235.487		1.410.263.507		138.622.627			15.392.121.621
Tại ngày cuối kỳ	-		12.374.754.451		1.485.392.323		114.452.417			13.974.599.191
<i>Trong đó:</i>										
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.260.431.507 đồng.										

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2022 là 40.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	102.783.105	73.373.226
Chi phí mua bảo hiểm	49.896.722	15.380.830
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	157.586.824	40.000.000
	<b>310.266.651</b>	<b>128.754.056</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	296.123.291	139.894.897
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	873.476.366	977.974.496
Chi phí trả trước dài hạn khác	97.653.930	74.761.313
	<b>1.267.253.587</b>	<b>1.192.630.706</b>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	2.007.190.893	2.007.190.893	-	-
- Công ty TNHH Hoá chất Ngọc Việt	1.080.420.363	1.080.420.363	815.467.400	815.467.400
- Phải trả các đối tượng khác	1.329.585.322	1.329.585.322	2.266.703.647	2.266.703.647
	<b>4.417.196.578</b>	<b>4.417.196.578</b>	<b>3.082.171.047</b>	<b>3.082.171.047</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>2.007.190.893</b>	<b>2.007.190.893</b>	-	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)</i>				

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	1.860.772.100	306.597.735
- Người mua khác trả tiền trước	69.179.325	165.310.864
	<b>1.929.951.425</b>	<b>471.908.599</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		8.988.138		4.754.381.526		4.763.369.664		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901		-		218.274.964		218.274.964		398.368.901		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.310.633.695		4.395.068.199		2.060.633.695		-		3.645.068.199	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		54.567.329		761.091.752		513.137.529		-		302.521.552	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		1.510.026.000		1.983.554.896		473.528.896		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		22.927.183		2.882.363		2.596.532		-		23.213.014	
	<b>398.368.901</b>		<b>1.397.116.345</b>		<b>11.641.724.804</b>		<b>9.541.567.280</b>		<b>871.897.797</b>		<b>3,970.802.765</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**16 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì (1)	7.000.000.000	7.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (2)	14.870.776.420	14.870.776.420	17.279.682.525	24.996.178.945	7.154.280.000	7.154.280.000
	<b>21.870.776.420</b>	<b>21.870.776.420</b>	<b>27.279.682.525</b>	<b>33.996.178.945</b>	<b>15.154.280.000</b>	<b>15.154.280.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 3180-LAV-202102080 ngày 26/11/2021 giữa Công ty và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 26/11/2022;
  - + Lãi suất cho vay: cụ thể trên từng giấy nhận nợ theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 8.000.000.000 đồng;
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số LAV210080619 ngày 10/11/2021 và Phụ lục đính kèm giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ;
  - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 09/11/2022;
  - + Lãi suất cho vay: quy định tại Khế ước nhận nợ và thay đổi theo Thông báo của Ngân hàng;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 306.000 USD tương đương 7.154.280.000 đồng;
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	13.588.512
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.367.809.100	2.239.120.581
- Chi phí phải trả khác	831.686.243	554.194.639
	<b>2.199.495.343</b>	<b>2.806.903.732</b>

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	61.575.842	148.745.388
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.458.126.840	11.423.533.613
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.372.410.600	12.371.088.200
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	150.000.000	108.000.000
- Quỹ xã hội	18.264.751	29.264.751
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.345.924	21.405.622
	<b>21.079.723.957</b>	<b>24.102.037.574</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<b>16.088.837.317</b>	<b>11.414.608.103</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quy đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	5.638.843.012	35.634.626.677	114.828.633.407			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	16.278.757.553			16.278.757.553
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	11.783.519.460	-	(12.433.519.460)			(650.000.000)
Trả cổ tức lần 2 năm 2020	-	-	-	-	-	(10.880.866.500)			(10.880.866.500)
Trả cổ tức lần 3 năm 2020	-	-	-	-	-	(5.077.737.700)			(5.077.737.700)
Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021	-	-	-	-	-	(5.803.128.800)			(5.803.128.800)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>17.422.362.472</b>	<b>17.718.131.770</b>	<b>108.695.657.960</b>			
Số dư đầu năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	17.422.362.472	19.527.424.969	110.504.951.159			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	17.461.803.452			17.461.803.452
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.125.909.836	-	(9.775.909.836)			(650.000.000)
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2021 (*)	-	-	-	-	-	(2.901.564.400)			(2.901.564.400)
Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022 (**)	-	-	-	-	-	(7.979.302.100)			(7.979.302.100)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>1.016.053.718</b>	<b>26.548.272.308</b>	<b>16.332.452.085</b>	<b>116.435.888.111</b>			



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để phân phối	100,00%	19.527.424.969
Trích Quỹ đầu tư phát triển	46,73%	9.125.909.836
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,33%	650.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 29% vốn điều lệ), trong đó:	14,86%	2.901.564.400
- Lần 1 được thực hiện trong năm 2021 với tỷ lệ 8% vốn điều lệ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 05 năm 2021;		
- Lần 2 được thực hiện trong năm 2021 với tỷ lệ 17% vốn điều lệ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2021;		
- Lần 3 được thực hiện trong năm 2022 với tỷ lệ 4% vốn điều lệ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2022.		
Lợi nhuận chưa phân phối	35,08%	6.849.950.733

(\*\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 11%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.100 đồng).

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	45,98%	33.353.280.000	45,98%	33.353.280.000
	<b>100%</b>	<b>72.539.110.000</b>	<b>100%</b>	<b>72.539.110.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	72.539.110.000	72.539.110.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	72.539.110.000	72.539.110.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	12.371.088.200	49.741.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	10.880.866.500	21.761.733.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	2.901.564.400	15.958.604.200
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	7.979.302.100	5.803.128.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(19.879.544.100)	(21.751.660.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(14.374.665.400)	(15.972.409.300)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	(5.504.878.700)	(5.779.251.200)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	3.372.410.600	59.814.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.253.911</i>	<i>7.253.911</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.253.911</i>	<i>7.253.911</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.548.272.308	17.422.362.472
	<u><b>26.548.272.308</b></u>	<u><b>17.422.362.472</b></u>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m <sup>2</sup>	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m <sup>2</sup>	Gia hạn từng năm

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	19.348,84	120.482,45

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Số nợ khó đòi đã xử lý	372.473.344	372.373.344

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	181.655.577.499	176.733.547.850
Doanh thu bán hàng hóa	2.764.906.801	809.952.367
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	25.924.724.918	11.003.463.997
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.513.154.117	1.696.461.560
	<u><b>211.858.363.335</b></u>	<u><b>190.243.425.774</b></u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u><b>39.213.718.629</b></u>	<u><b>51.106.146.715</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.529.928.448	5.689.026.638
Hàng bán bị trả lại	67.983.600	704.037
	<b><u>5.597.912.048</u></b>	<b><u>5.689.730.675</u></b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	141.218.185.251	135.050.875.256
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.189.559.899	669.971.922
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	25.435.399.249	10.853.898.492
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.198.656	119.607.200
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.145.472)
	<b><u>168.873.343.055</u></b>	<b><u>146.691.207.398</u></b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***7.430.302.239****9.956.876.408****24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	50.676.589	68.259.843
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	81.126.892	20.689.675
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	5.649.171	15.569.426
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.993.825	-
	<b><u>145.446.477</u></b>	<b><u>104.518.944</u></b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	153.142.840	21.156.232
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.423.376.944	3.738.033.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	567.969.795	198.663.887
Dự phòng tổn thất đầu tư	(1.025.000.000)	250.000.000
	<b><u>3.119.489.579</u></b>	<b><u>4.207.853.155</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	492.706.193	687.147.783
Chi phí nhân công	2.542.119.874	3.231.694.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.599.050	146.557.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.195.498	887.607.423
Chi phí khác bằng tiền	782.623.233	655.389.272
	<b>4.781.243.848</b>	<b>5.608.396.888</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.734.736	95.738.409
Chi phí nhân công	4.178.504.704	4.228.770.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.119.136	87.119.136
Thuế, phí, lệ phí	1.514.026.000	1.654.851.924
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	12.595.354	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.404.514	390.243.486
Chi phí khác bằng tiền	1.416.705.187	1.445.689.429
	<b>7.775.089.631</b>	<b>7.902.412.946</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ tiền bồi thường	-	155.944.938
Thu nhập khác	240.000	-
	<b>240.000</b>	<b>155.944.938</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.856.871.651	20.404.288.594
Các khoản điều chỉnh tăng	118.469.344	223.366.612
- Chi phí không hợp lệ	116.233.886	215.348.495
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	2.235.458	8.018.117
Thu nhập chịu thuế TNDN	21.975.340.995	20.627.655.206
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>4.395.068.199</b>	<b>4.125.531.041</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.310.633.695	2.852.890.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.060.633.695)	(2.932.890.412)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>3.645.068.199</b>	<b>4.045.531.041</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.461.803.452	16.278.757.553
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.461.803.452	16.278.757.553
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.253.911	7.253.911
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.407</b>	<b>2.244</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.026.191.415	118.214.605.828
Chi phí nhân công	21.947.598.875	24.515.755.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.945.348.090	3.027.494.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.269.725.784	1.277.850.909
Chi phí khác bằng tiền	3.499.622.427	3.760.956.877
	<b>161.688.486.591</b>	<b>150.796.663.820</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.393.439.629	-	21.129.476.056	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.169.679.087	(357.564.892)	26.585.859.987	(344.969.538)
	<b>29.563.118.716</b>	<b>(357.564.892)</b>	<b>47.715.336.043</b>	<b>(344.969.538)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	15.154.280.000	21.870.776.420
Phải trả người bán, phải trả khác	25.496.920.535	27.184.208.621
Chi phí phải trả	2.199.495.343	2.806.903.732
	<b>42.850.695.878</b>	<b>51.861.888.773</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Tiền	8.393.439.629	-	-	8.393.439.629
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.792.114.195	20.000.000	-	20.812.114.195
	<b>29.185.553.824</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.205.553.824</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	21.129.476.056	-	-	21.129.476.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.220.890.449	20.000.000	-	26.240.890.449
	<b>47.350.366.505</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>47.370.366.505</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Vay và nợ	15.154.280.000	-	-	15.154.280.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.496.920.535	-	-	25.496.920.535
Chi phí phải trả	2.199.495.343	-	-	2.199.495.343
	<b>42.850.695.878</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.850.695.878</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	21.870.776.420	-	-	21.870.776.420
Phải trả người bán, phải trả khác	27.184.208.621	-	-	27.184.208.621
Chi phí phải trả	2.806.903.732	-	-	2.806.903.732
	<b>51.861.888.773</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.861.888.773</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
GP Batteries International Limited Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể Bà Quek Guet Ngoh, ông Nguyễn Thanh Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty và ông Võ Khánh Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc của Công ty đồng thời là các Ủy viên Hội đồng thành viên của Công ty này
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International (Shenzhen) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Acoustics (China) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>39.213.718.629</b>	<b>51.106.146.715</b>
GPI International Limited	15.243.322.650	40.984.786.042
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	23.970.395.979	10.121.360.673
<b>Mua hàng</b>	<b>7.430.302.239</b>	<b>9.956.876.408</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	6.563.016.209	4.281.300.000
GPI International (Shenzhen) Limited	867.286.030	-
<b>Thu nhập khác</b>	-	<b>555.944.938</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	-	400.000.000
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	-	155.944.938
<b>Chia cổ tức</b>	<b>3.699.766.100</b>	-
GP Batteries International Limited	3.699.766.100	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,  
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>3.769.394.645</b>	<b>6.242.722.456</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	256.520.813	2.488.330.267
GPI International Limited	3.512.873.832	3.754.392.189
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>141.961.264</b>	<b>271.748.442</b>
GPI International Limited	6.258.568	6.258.568
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	135.702.696	264.283.754
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.007.190.893</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	2.007.190.893	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>16.088.837.317</b>	<b>11.414.608.103</b>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	12.824.337.817	7.714.842.003
GP Batteries International Limited	3.264.499.500	3.699.766.100

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty:</b>	<b>980.560.284</b>	<b>1.075.103.791</b>
Ông Phạm Văn Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	118.888.886	188.386.494
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	277.845.463	276.591.997
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	211.159.066	221.096.929
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	216.904.310	224.515.404
Ông Nguyễn Thanh Quang - Thành viên Hội đồng quản trị Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022	155.762.559	164.512.968

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét.



**Đỗ Thị Lê Mai**  
Người lập

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2022



**Nguyễn Thị Thùy Dương**  
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán




**Nguyễn Thanh Hùng**  
Giám đốc